

Số: 197 /KL-UBND

Ninh Hải, ngày 17 tháng 01 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp dành cho công ích xã; thủ tục hành chính về đất đai; kiểm tra phát hiện và ngăn chặn, xử lý về đất đai của UBND xã Phương Hải

Thực hiện Quyết định số 1365 /QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý sử dụng quỹ đất nông nghiệp dành cho công ích xã; thủ tục hành chính về đất đai; kiểm tra phát hiện và ngăn chặn, xử lý về đất đai của UBND xã Phương Hải. Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 04/BC-ĐTT ngày 10/01/2019 của Đoàn thanh tra, Chủ tịch UBND huyện kết luận như sau:

Phần I

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Phương Hải nằm ở phía Bắc huyện Ninh Hải, địa hình chủ yếu là đồng bằng, diện tích tự nhiên 1.094,34ha; trong đó đất nông nghiệp 801,01ha; đất phi nông nghiệp 286,76ha; đất chưa sử dụng 6,57ha. Dân số 6.491 khẩu/1.783 hộ và có 3 thôn Phương Cự 1, Phương Cự 2, Phương Cự 3. Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc trồng lúa, cỏ, nghề làm muối và chăn nuôi gia súc bò, dê.

Phần II

KẾT QUẢ THANH TRA

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, CHO THUÊ ĐẤT CÔNG ÍCH

Theo Khoản 1 Điều 72 Luật Đất đai năm 2003 và Khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 quy định “*Căn cứ vào quỹ đất, đặc điểm và nhu cầu của địa phương, mỗi xã, phường, thị trấn được lập quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích không quá 5% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản để phục vụ cho các nhu cầu công ích của địa phương*”.

Hiện nay, UBND xã Phương Hải có tổng diện tích đất công ích 124.983,9m² (theo Quyết định số 201/QĐ -UBND ngày 14/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận giao cho xã quản lý 80.257m² đất nông nghiệp, gồm 54 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 08 và UBND Phương Hải xác lập thêm trong 5% của tổng diện tích đất nông nghiệp là 44.726,9m²). Diện tích 44.726,9m², UBND xã

Phương Hải kiến nghị: công nhận đất công ích để UBND xã quản lý, sử dụng, được thể hiện tại Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 13/11/2014; công văn số 42/UBND ngày 15/4/2016; trường hợp chưa công nhận đất công ích thì UBND huyện ủy quyền UBND xã Phương Hải cho thuê.

1. Việc sử dụng đất công ích phục vụ cho các nhu cầu công ích của địa phương:

UBND huyện Ninh Hải thu hồi diện tích 886,4m² thửa số 552, tờ bản đồ số 27 để thực hiện dự án xây dựng điện gió Đầm Nại (giai đoạn 2) tại Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 08/5/2018.

Quỹ đất công ích do UBND xã quản lý, sử dụng theo Khoản 4 Điều 132 Luật Đất đai 2013 quy định: “*Quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất quản lý, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*”.

2. Việc sử dụng đất công ích:

Từ năm 2013 đến năm 2018 UBND xã Phương Hải sử dụng vào mục đích cho các hộ dân thuê trồng lúa, trồng cỏ, làm muối, làm chuồng nuôi nhốt gia súc có sừng (bò, dê) là 347.546,1m² cụ thể:

*** Năm 2013 - 2015 cho thuê: 112.155,6m², trong đó:**

- Đất công ích đã cho thuê: 73.216m²/52 thửa/25 hộ, sử dụng trồng lúa, cỏ (biểu số 1).

- Đất nông nghiệp do UBND xã xác lập đã cho thuê: 38.939,6m², trong đó:

+ Khu vực Gò Đại Phòng: 4.888,6m²/50 thửa/ 50 hộ, làm chuồng nhốt gia súc từ năm 2014 - 2017 (biểu số 2).

+ Khu vực huyện lộ 6: 12.557m²/45 thửa/43 hộ, làm chuồng bò (biểu số 3).

+ Các khu vực khác: 21.494m²/13 hộ, trồng lúa, cỏ (biểu số 1).

*** Năm 2015 - 2017 cho thuê: 118.080m², trong đó:**

- Đất công ích: 73.626m²/52 thửa/29 hộ, sử dụng trồng lúa, cỏ (biểu số 4).

- Đất nông nghiệp do UBND xã xác lập đã cho thuê: 44.454m², trong đó:

+ Khu vực Gò Đại Phòng: 4.888,6m²/50 thửa/50 hộ, làm chuồng bò từ năm 2014-2017 (biểu số 2).

+ Khu vực huyện lộ 6: 12.557,4m²/45 thửa lô/43 hộ, làm chuồng bò (biểu số 5).

+ Các khu vực khác: 27.008m²/78 hộ trồng lúa, cỏ (biểu số 4).

*** Năm 2017 - 2019 cho thuê: 117.310,5m², trong đó:**

- Đất công ích: 75.492,6m²/24 hộ, sử dụng trồng lúa, cỏ (biểu số 7).

- Đất nông nghiệp do UBND xã xác lập đã cho thuê: 41.817,9m², trong đó:

- + Khu vực Gò Đại Phòng: 4.888,6m²/50 thửa/50 hộ, làm chuồng bò (biểu số 2).
- + Khu vực huyện lộ 6: 12.790,3m²/49 thửa/47 hộ, làm chuồng bò (biểu số 8).
- + Các khu vực khác: 24.139m²/17 hộ trồng lúa, cỏ (biểu số 7).

3. Đất công ích không cho thuê:

Tại thời điểm thanh tra (năm 2018) diện tích không cho thuê là 7.673,4m² thuộc một phần đất công ích và đất nông nghiệp do UBND xã Phương Hải xác lập được, gồm:

- + Tổng diện tích 3.878m² gồm: Đất thỏa thuận, hoán đổi đất Gò Đại Phòng, giao cho ông Trần Sáng 1.000m²; nhiễm mặn 826m²; đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn xác lập đưa vào quỹ đất công ích đối với diện tích 616m² cấp cho ông Lâm Văn Ôn năm 1994, diện tích 1.436m² của ông Võ Văn Thúc, cấp năm 2002 (biểu số 10).

- + Đất nông nghiệp do xã xác lập: 2.909m². Lý do không cho thuê, gồm: Đất gò, diện tích nhỏ 59m², thửa 34; diện tích 265m², thửa 40, thuộc thửa số 10, tục danh Ma Ung, Ma Điền; diện tích 2.585m² làm đường giao thông nội đồng đi qua khu chuồng nhốt gia súc Gò Đại Phòng.

4. Hình thức cho thuê đất:

Trong quá trình quản lý, UBND xã Phương Hải trực tiếp cho các hộ dân thuê đúng quy định pháp luật đối với diện tích đất công ích: Có kế hoạch sử dụng đất, lập phương án đấu giá cho thuê, ký kết hợp đồng với hộ gia đình, cá nhân, người dân sử dụng đúng mục đích, kế hoạch sử dụng đất, cụ thể:

Khu vực Gò Đại Phòng, Huyện Lộ 6: Ngày 15/12/2016 UBND xã Phương Hải có tờ trình số 223/TTr-UBND xin chuyển đổi từ đất nông nghiệp khác sang đất làm chuồng trại tại Gò Đại Phòng, Huyện Lộ 6 và được Hội đồng nhân dân xã Phương Hải thống nhất tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/12/2016. Ngày 25/12/2017 UBND xã Phương Hải có Tờ trình số 154/TTr-UBND xin ý kiến cho thuê đất làm chuồng bò, khu Huyện Lộ 6, không thông qua hình thức đấu giá và được Hội đồng nhân dân xã Phương Hải thống nhất tại công văn số 172-CV/ĐU ngày 25/12/2017. UBND xã cho thuê đất đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Đất đai 2003 và khoản 3 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 quy định “Ủy ban nhân dân cấp xã cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn”.

Tuy nhiên, khu vực Gò Đại Phòng và Huyện Lộ 6 quản lý chưa đúng quy định:

- + Từ năm 2014 đến 30/12/2016, UBND xã Phương Hải cho các hộ dân thuê làm chuồng nhốt gia súc khi chưa lập kế hoạch sử dụng đất. Việc làm này trái Khoản 4 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân cấp xã

nơi có đất quản lý, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

+ Cho thuê đất khu vực Huyện Lộ 6 từ năm 2014 đến 25/12/2017 và Gò Đại phòng, từ năm 2014 đến nay cho thuê đất nhưng không thông qua hình thức đấu giá. Việc làm này trái Khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Đối với diện tích đất chưa sử dụng vào các mục đích quy định tại khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp xã cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo hình thức đấu giá để cho thuê. Thời hạn sử dụng đất đối với mỗi lần thuê không quá 05 năm”.*

UBND xã Phương Hải giải trình: Cho thuê nhưng không tổ chức đấu giá là do nếu tổ chức đấu giá giá lại mà không trúng vị trí cũ thì thiệt thòi cho dân khi đã đầu tư chuồng trại; tuy nhiên thời gian đến UBND xã sẽ tổ chức đấu giá và thời hạn thuê sẽ dài hơn.

+ Từ năm 2014 đến 2017 UBND xã Phương Hải ký kết hợp đồng cho thuê đất về diện tích cao hơn so với diện tích thực tế tại địa danh Gò Đại Phòng đối với 04 trường hợp (Nguyễn Bá Trị, ký hợp đồng 100m², diện tích thực tế 70m². Nguyễn Chí Trung, ký hợp đồng 100m², diện tích thực tế 75m². Nguyễn Thị Hà, ký hợp đồng 100m², diện tích thực tế 77m². Nguyễn Ngọc Vương, ký hợp đồng 100m², diện tích thực tế 42m². Riêng trường hợp ông Nguyễn Bá Trị thu tiền theo diện tích ghi tại hợp đồng; 03 trường hợp còn lại thu đúng theo diện tích đất thực tế).

UBND Phương Hải giải trình: Do nhầm lẫn về số học trong quá trình viết hợp đồng đối với 03 trường hợp trên.

5. Việc thu, sử dụng tiền thuê đất:

UBND xã Phương Hải thực hiện thu tiền thuê đất theo Khoản 2 Điều 72 Luật Đất đai 2003 quy định “*Tiền thu được từ việc cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích phải nộp vào ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý và chỉ được dùng cho nhu cầu công ích của xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật”* và khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai 2013 quy định: “*Tiền thu được từ việc cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích phải nộp vào ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và chỉ được dùng cho nhu cầu công ích của xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật”.*

Việc cho thuê đất công ích của xã đã góp phần tăng nguồn thu ngân sách địa phương để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi công cộng; tạo điều kiện cho hộ gia đình, cá nhân có đất để sản xuất, góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống của nhân dân tại địa phương.

6. Diện tích đất công ích biến động giảm:

Diện tích 13.862,4m² nằm trong quỹ đất công ích đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận giao ngày 14/8/2007 có tổng diện tích 80.257m², thực tế hiện nay thuộc quyền sử dụng của 03 hộ dân và 01 tổ chức và đối với diện tích

13.862,4m² đất này, UBND xã Phương Hải kiến nghị đưa ra khỏi quỹ đất công ích; cụ thể:

- Diện tích 1.000m² thuộc thửa số 264b, tờ bản đồ số 10 thuộc đất công ích, đã thống nhất thỏa thuận hoán đổi đất ông Trần Sáng (con của bà Lê Thị Tươi), lý do: Ngày 30/11/2012 UBND huyện Ninh Hải có Quyết định số 2136/QĐ-UBND thu hồi của hai hộ gia đình diện tích 14.000m², thuộc thửa số 288, tờ bản đồ số 38 tục danh Gò Đại Phòng (trong đó thu của bà Lê Thị Tươi 1.274m², ông Trần Văn Quân (con ông Trần Văn Đức) 2.726m²; ngày 24/10/2013 UBND huyện ban hành Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 bồi thường 4.136m²/03 thửa đất nông nghiệp do UBND xã Phương Hải xác lập. Như vậy diện tích 1.000m² đã thỏa thuận thống nhất hoán đổi và ông Trần Sáng đã sử dụng từ năm 2012 đến nay, nhưng UBND huyện chưa giao đất, do thửa đất vẫn thuộc đất công ích.

- Diện tích 616m² thuộc một phần thửa số 498, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.420m² đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số B 666848 cấp ngày 02/8/1994 của ông Lâm Văn Ôn; nay là thửa số 40, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.408m².

- Diện tích 1.436m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ 06 diện tích 1.736m² giấy chứng nhận QSD đất số S 613774 cấp ngày 26/8/2002 cho ông Võ Văn Thúc (diện tích 1.736m² thực tế hiện nay còn 1.436m², giảm 300m² do sạt lở).

- Diện tích 886,4m² thửa số 552, tờ bản đồ số 27 UBND huyện Ninh Hải thu hồi đất công ích để thực hiện dự án xây dựng điện gió Đầm Nại (giai đoạn 2) tại Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 08/5/2018.

- Diện tích 10.429m²/11 thửa đất tờ bản đồ số 28, thuộc địa giới hành chính xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc, nhưng nằm trong quỹ đất công ích của UBND xã Phương Hải (thửa 344, diện tích 1.383m²; thửa 362, diện tích 1.252m²; thửa 388, diện tích 551m²; thửa 347, diện tích 924m²; thửa 387, diện tích 149 m²; thửa 417, diện tích 905m²; thửa 450, diện tích 250m²; thửa 346, diện tích 2.921m²; thửa 390, diện tích 296m²; thửa 391, diện tích 313m²; thửa 421, diện tích 1.485m²) biểu số 11.

II. VIỆC THỰC HIỆN BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

1. Việc triển khai thực hiện:

UBND xã Phương Hải thực hiện đồng bộ nhiều nội dung và biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng phục vụ cho công dân, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, tạo điều thuận lợi cho người dân, tổ chức. Bên cạnh đó, UBND xã cũng đã chỉ đạo việc thực hiện nghiêm yết công khai Bộ thủ tục hành chính về đất đai đầy đủ, kịp thời nhất là các thủ tục mới ban hành như Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 05/6/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận về công bố Bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông tại xã, thị trấn thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 3/6/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc công bố thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thay thế Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 05/6/2014 của UBND tỉnh; Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của

UBND tỉnh Ninh Thuận về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực đất đai giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cấp huyện và cấp xã, tỉnh Ninh Thuận thay thế Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh. Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 28/06/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và UBND cấp xã tỉnh Ninh Thuận. UBND xã đã xử lý kịp thời các phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính và thực hiện thông báo đường dây nóng tiếp nhận, xử lý thông tin trong hoạt động của cơ quan nói chung và trong thực hiện TTHC nói riêng.

2. Các trường hợp tham gia thực hiện Bộ thủ tục hành chính:

Từ năm 2014 đến thời điểm thanh tra có 885 trường hợp tham gia thực hiện bộ thủ tục hành chính, các hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết theo thời gian quy định, không có phản ánh của người dân, tổ chức trong việc giải quyết hồ sơ chậm, trễ so với thời gian quy định, cụ thể:

+ Chuyên mục đích sử dụng đất: 58 trường hợp.

+ Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu: 79 trường hợp.

+ Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp: 01 trường hợp (nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận UBND huyện).

+ Đăng ký, cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 1 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định: 03 trường hợp (01 trường hợp nộp tại bộ phận tiếp nhận của UBND huyện, 02 trường hợp bị trả lại hồ sơ do hộ dân viết giấy tay chuyển nhượng không phù hợp và đã được hướng dẫn bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện Ninh Hải).

+ Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng: 307 trường hợp.

+ Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (do đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận QSDĐ: 79 trường hợp.

+ Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu: 254 trường hợp.

+ Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 95 trường hợp.

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về đất đai tại địa phương

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai đến cán bộ, công chức và nhân dân được triển khai, tổ chức vào các buổi sinh hoạt pháp luật hàng tháng tại cơ quan cũng như lồng ghép vào các buổi họp dân.

2. Việc xử lý các trường hợp vi phạm đất đai và xây dựng

Căn cứ Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, từ ngày 01/7/2014 đến nay UBND xã đã xử lý 11 trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính: 9.000.000 đồng, đã thu nộp ngân sách: 6.000.000 đồng; trường hợp bà Phạm Thị Diễm chưa nộp số tiền 3.000.000 đồng, với lý do: bà Diễm không thừa nhận hành vi vi phạm hành chính lấn đất, vì cho rằng xây dựng trong phạm vi ranh giới thửa đất của bà và đến thời điểm thanh tra UBND xã chưa xử lý dứt điểm đối với trường hợp này (biểu số 12).

C. KẾT LUẬN – XỬ LÝ

I. Kết luận

1. Ưu điểm:

- Công tác quản lý, đất công ích chặt chẽ từ việc lập kế hoạch sử dụng đất, lập phương án, quy trình cho thuê đất đúng quy định pháp luật; việc sử dụng đất nông nghiệp dành cho mục đích công ích xã Phương Hải có hiệu quả: Đưa toàn bộ diện tích đất công ích và đất nông nghiệp do UBND xã Phương Hải xác lập được sử dụng vào mục đích cho hộ dân thuê sử dụng đúng mục đích, góp phần tăng nguồn thu ngân sách địa phương để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi công cộng; tạo điều kiện cho hộ gia đình, cá nhân có đất để sản xuất, góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống.

- Thực hiện nghiêm túc việc công khai, niêm yết Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai theo đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong thực hiện thủ tục về đất đai.

- Công tác quản lý đất đai được tăng cường, hạn chế tình trạng xây dựng nhà trái phép trên đất nông nghiệp và kịp thời xử lý các hành vi vi phạm lấn chiếm đất.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai chưa sâu rộng, hình thức chưa đa dạng phong phú.

- Đất nông nghiệp do UBND xã Phương Hải xác lập, đưa vào quản lý chưa đúng quy định pháp luật, cụ thể:

+ Từ năm 2014 đến 30/12/2016: UBND xã Phương Hải cho các hộ dân thuê làm chuồng nhốt gia súc khi chưa lập kế hoạch sử dụng đất, trái Khoản 4 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 đã viện dẫn trên.

+ Cho thuê đất khu vực Huyện Lộ 6, Gò Đại Phòng không thông qua hình thức đấu giá; việc làm này trái Khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 đã viện dẫn.

+ Ký kết hợp đồng cho thuê đất với ông Nguyễn Bá Trị cao hơn 30m², so với diện tích thực tế, thu vượt số tiền 36.000đ (ba mươi sáu nghìn đồng).

- Công tác quản lý 13.862,4m² đất công ích gặp khó khăn, do: đất thuộc quyền sử dụng của 03 hộ dân (ông Ôn diện tích 616m²; ông Thúc diện tích 1.436m² và diện tích 1.000m² đã thỏa thuận hoán đổi, UBND huyện Ninh Hải đã thu hồi của bà Tựu nhưng chưa bồi thường; diện tích 886,4m² đất đã giao điện gió; diện tích 10.429m²/11 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 28, thuộc địa giới hành chính xã Bắc Sơn.

3. Nguyên nhân:

Việc quản lý đất công ích của UBND xã chưa chặt chẽ, thiếu kiểm tra thực tế; chủ yếu dựa vào hồ sơ, sổ sách dẫn đến các trường hợp hộ gia đình sử dụng đất chồng lấn lên đất công ích và đất thuộc hộ gia đình đưa vào đất công ích. Diện tích quỹ đất công ích giảm so với Quyết định của UBND tỉnh là do một phần diện tích tại xã Phương Hải chuyển về xã Bắc Sơn (Thuận Bắc) sau khi phân chia địa giới hành chính khi thành lập xã theo Nghị định 84/2005/NĐ-CP ngày 07/7/2005 của Chính Phủ.

II. Xử lý:

1. Đối với UBND xã Phương Hải:

1.1. UBND xã tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc cho thuê đất khi chưa có kế hoạch sử dụng đất; cho thuê đất nông nghiệp không thông qua hình thức đấu giá; ký kết hợp đồng liên quan đến diện tích và thu tiền không phù hợp với thực tế; quản lý đất công ích chưa chặt chẽ, xác lập quỹ đất nông nghiệp nhưng thuộc quyền sử dụng của các hộ dân và trong thời gian đến cần tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ sau đây:

1.2. Tiếp tục rà soát lại quỹ đất công ích, giải quyết dứt điểm các trường hợp tồn tại của quỹ đất công ích do địa phương quản lý như đã nêu; hướng dẫn người dân điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp và đúng thực tế diện tích đất của hộ gia đình đang sử dụng và quản lý chặt chẽ diện tích đất công ích tại địa phương; trong đó có diện tích 1.436m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ 06 diện tích 1.736m² giấy chứng nhận QSD đất số S 613774 cấp ngày 26/8/2002 cho ông Võ Văn Thúc (diện tích 1.736m² thực tế hiện nay còn 1.436m², giảm 300m² do sạt lở).

1.3. Tăng cường công tác quản lý đất đai, thường xuyên tiến hành kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý kiên quyết ngay từ đầu các trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật, chấm dứt việc người dân lấn chiếm đất. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 30/9/2014 của Tỉnh ủy

Ninh Thuận về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác quản lý, sử dụng đất đai đến năm 2020; Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 10/10/2016 của Tỉnh ủy Ninh Thuận và tăng cường công tác kiểm tra, xử lý kiên quyết, hạn chế các vi phạm về đất đai, xây dựng và Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 08/5/2018 của UBND huyện triển khai thực hiện Kế hoạch tăng cường công tác quản lý đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

1.4. Tăng cường công tác quản lý đất công ích và quản lý chặt chẽ đất công ích của địa phương nằm trên địa giới hành chính của xã khác, cụ thể là diện tích 10.429m²/11 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 28; diện tích 3.938,4m² (616m² + 1.436m² + 1.000m² của 3 hộ dân đang sử dụng) nay thuộc địa thuộc địa giới hành chính xã Bắc Sơn - huyện Thuận Bắc.

1.5. Đối với việc công nhận diện tích 44.726,9m² là đất công ích do UBND xã Phương Hải xác lập thêm trong tổng diện tích đất nông nghiệp. Đề nghị UBND xã thực hiện theo Điều 132 Luật Đất đai 2013 trên cơ sở hướng dẫn chuyên môn của phòng Tài nguyên và Môi trường.

2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp UBND xã Phương Hải tham mưu UBND huyện đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh giảm diện tích 886,4m² thửa số 552, tờ bản đồ số 27 (thực hiện dự án xây dựng điện gió Đàm Nai - giai đoạn 2) theo Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 08/5/2018, của UBND huyện Ninh Hải trong tổng diện tích 80.257m² đất công ích được UBND tỉnh Ninh Thuận đã giao theo Quyết định số 201/QĐ - UBND ngày 14/8/2007 đồng thời hướng dẫn UBND xã xác lập thêm diện tích đất công ích do xã xác lập với diện tích 44.726,9m².

3. Giao Thanh tra huyện: Công bố Kết luận thanh tra đến UBND xã Phương Hải; công khai Kết luận thanh tra đến các tổ chức cá nhân liên quan. Hướng dẫn UBND xã niêm yết công khai Kết luận theo quy định và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP về việc thực hiện kết luận sau thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp dành cho công ích xã; thủ tục hành chính về đất đai; kiểm tra phát hiện và ngăn chặn, xử lý về đất đai của UBND xã Phương Hải. *mt*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở TN&MT;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HUBND huyện;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Phòng TN&MT;
- VP. ĐKĐĐCN Ninh Hải;
- UBND xã Phương Hải;
- Lưu: VPUB, HSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Thế

ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO THUÊ THÔNG QUA ĐẤU GIÁ TỪ NĂM 2013 - 2015

Biểu 1

STT	Họ và tên	Diện tích		Thửa đất	Bản đồ	Hợp đồng	Quy hoạch sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất
		Đất công ích	Đất nông nghiệp do UBND xác lập					
1	Nguyễn Ngọc Đức	1.858		260	27	48	Luc	Luc
2	Trần Văn Kẹo	1.450		218, 219 220	10, 28	67	Luc	Luc
3	Nguyễn Giới		3.402	53, 60 64, 65	26	60	Luc	Luc
4	Nguyễn Thành		300	541	18	54	Luc	Luc
5	Dương Công Phước	2.284		72	26	40	Luc	Luc
6	Dương Công Phước	1.412		73	26	41	Luc	Luc
7	Lê Văn Trung		264		28	51	BHK	Trồng cỏ
8	Phạm Công Đạm	2.388		4	37	50	Luc	Luc
9	Phạm Ry	3.348		1	37	62	NTS	NTS
10	Trần Thị Hồng Mùi	7.987		607, 636 637, 606	28	59	Luc	Luc
11	Võ Bi	1.383		344	28	52	Luc	Luc
12	Phạm Văn Chín	3.317		482, 483	27	35	Luc	Luc
13	Trần Văn Chi	5.015		390, 391 421, 346	28	53	Luc	Luc
14	Trần Ngọc Tránh	1.090		732	28	66	Luc	Luc
15	Phạm Văn Mọi	1.916		61, 77	37	34	Luc	Luc
16	Nguyễn Như Kháng	2.929		274	27	56	Luc	Luc
17	Võ Văn Đức	500		360b	27	64	Luc	Luc
18	Khuất Văn Chung	1155		417, 450	28	63	Luc	Luc
19	Nguyễn Văn Nghiêm	3.086		5, 7	26	57	Luc	Luc
20	Nguyễn Bá Trị		1.304	591	28	58	Luc	Luc
21	Đào Diệt		345	247	10	33	Luc	Luc
22	Võ Văn Luyện		1.345	58, 68 76	10	34	Luc	Luc
23	Võ Văn Luyện	1.947		119, 206	27	35	Luc	Luc
24	Trần Sáng	2.331		17, 20	6	25	Luc	Luc
25	Trần Sáng	3.342		249	27	26	Luc	Luc
26	Lê Văn Khang		413	305	10	27	Luc	Luc
27	Phạm Thị Du	576		457	27	55	Luc	Luc
28	Nguyễn Ngọc Thảo	2.855		297, 250	27	45	Luc	Luc

29	Nguyễn Ngọc Thanh		5.330	142, 164 318, 373	17, 27	38	Luc	Luc
30	Võ Ngọc Liên		400	156, 210	11	47	Luc	Luc
31	Nguyễn Sĩ		1533	375	10	32	Luc	Luc
32	Bùi Văn Cảnh	1.583		296	27	61	Luc	Luc
33	Lê Thị Thúy Vi		2.754	126, 495	17, 7	28	Luc	Luc
34	Mai Thanh Phụng		593	15	17	36	Luc	Luc
35	Mai Thanh Phụng	6.547		30, 34 50, 62	37	37	Luc	Luc
36	Trịnh Hùng Thu	2.121		136	17	30	Luc	Luc
37	Trịnh Hùng Thu		3.511	349	17	31	Luc	Luc
38	Nguyễn Văn Phong	2.876		388, 387 362, 347	28	42	Luc	Luc
39	Nguyễn Văn Phong	1.430		616	28	43	Luc	Luc
40	Nguyễn Văn Phong	2.339		77	26	44	Luc	Luc
41	Lâm Văn Thân	792		40	18	49	Luc	Luc
42	Phạm Văn Lót	3.359		552, 563	27	49	Luc	Luc
	Tổng	73.216	21.494					

ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO THUÊ KHÔNG ĐÁU GIÁ
Thời hạn thuê từ năm 2014 - 2019, Gò Đại Phòng

Biểu 2

STT	Họ và tên	Diện tích	Thửa đất	Bản đồ	Hợp đồng số	Quy hoạch sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất
1	Nguyễn Xuân Bảy	100	1	38	45	Chuồng trại	Chuồng bò
2	Lê Văn Cường	100	2	38	46	CT	Chuồng bò
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	100	3	38	47	CT	Chuồng bò
4	Nguyễn Thị Năm	100	4	38	48	CT	Chuồng bò
5	Tăng Ngọc Hoan	100	5	38	49	CT	Chuồng bò
6	Lê Văn Hiếu	100	6	38	50	CT	Chuồng bò
7	Phạm Văn Mười	100	7	38	51	CT	Chuồng bò
8	Mai Mọi	100	8	38	52	CT	Chuồng bò
9	Mai Nữa	100	9	38	53	CT	Chuồng bò
10	Bùi Xuân Lập	100	10	38	54	CT	Chuồng bò
11	Nguyễn Văn Chút	100	11	38	55	CT	Chuồng bò
12	Lê Cọt	100	12	38	56	CT	Chuồng bò
13	Nguyễn Văn Truyền	100	13	38	57	CT	Chuồng bò
14	Nguyễn Khắc Tân	100	14	38	58	CT	Chuồng bò
15	Mai Văn Bằng	100	15	38	59	CT	Chuồng bò
16	Lê Thanh Thao	100	16	38	60	CT	Chuồng bò
17	Lê Văn Trung	100	17	38	61	CT	Chuồng bò
18	Nguyễn Kim Hoàng	100	18	38	52	CT	Chuồng bò
19	Tăng Văn Nhẫn	100	19	38	63	CT	Chuồng bò
20	Mai Ngọc Ân	100	20	38	64	CT	Chuồng bò
21	Tạ Nguyễn Trung Vương	100	21	38	65	CT	Chuồng bò
22	Bùi Ngọc Minh	100	22	38	66	CT	Chuồng bò
23	Bùi Ngọc Tấn	100	23	38	67	CT	Chuồng bò
24	Phạm Văn Trung	100	24	38	68	CT	Chuồng bò
25	Phạm Văn Tấn	100	25	38	69	CT	Chuồng bò
26	Nguyễn Văn Đây	100	26	38	70	CT	Chuồng bò
27	Huỳnh Tro	100	27	38	71	CT	Chuồng bò
28	Nguyễn Bá Kha	100	28	38	72	CT	Chuồng bò
29	Phạm Văn Hữu	100	29	38	73	CT	Chuồng bò
30	Nguyễn Bá Vọng	100	30	38	74	CT	Chuồng bò
31	Phạm Chọi	100	31	38	75	CT	Chuồng bò
32	Nguyễn Thiệu	100	32	38	76	CT	Chuồng bò
33	Trần Vương	100	33	38	77	CT	Chuồng bò
34	Trương Sơn	100	34	38	78	CT	Chuồng bò
35	Bùi Ngọc Nhân	100	35	38	79	CT	Chuồng bò
36	Nguyễn Hùng	100	36	38	80	CT	Chuồng bò

37	Trần Đình Lương	100	37	38	81	CT	Chuồng bò
38	Nguyễn Thị Lại	100	38	38	82	CT	Chuồng bò
39	Nguyễn Hải Châu	100	39	38	83	CT	Chuồng bò
40	Nguyễn Xuân Nhỏ	100	40	38	84	CT	Chuồng bò
41	Bùi Văn Rèo	100	41	38	85	CT	Chuồng bò
42	Trần Thị Bông	100	42	38	86	CT	Chuồng bò
43	Mai Văn Hùng	100	43	38	87	CT	Chuồng bò
44	Nguyễn Bá Trị	70	44	38	88	CT	Chuồng bò
45	Nguyễn Chí Trung	75	45	38	89	CT	Chuồng bò
46	Nguyễn Thị Hà	77	46	38	90	CT	Chuồng bò
47	Nguyễn Ngọc Vương	42	47	38	91	CT	Chuồng bò
48	Huỳnh Lê Thắng	84,6	48	38	92	CT	Chuồng bò
49	Huỳnh Thanh Trà	96	49	38	93	CT	Chuồng bò
50	Hồ Minh Tâm	144	50	38	94	CT	Chuồng bò
CỘNG: 50 hộ		4888,6					

ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO THUÊ KHÔNG ĐÁU GIÁ TỪ NĂM 2013-2015

Khu vực: huyện lộ 6

Biểu 3

STT	Họ và tên	Diện tích	Thửa đất	Bản đồ	Hợp đồng	Quy hoạch sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất
1	Lê Thị Thấy	350	1	38	190	Chuồng trại	Chuồng bò
2	Phạm Văn Vương	250	2	38	243	CT	Chuồng bò
3	Bùi Trung Dung	250	3	38	220	CT	Chuồng bò
4	Dương Văn Danh	250	4	38	213	CT	Chuồng bò
5	Dương Công Phước	250	5	38	188	CT	Chuồng bò
6	Nguyễn Ngọc Ân	250	6	38	209	CT	Chuồng bò
7	Phạm Văn Lót	250	7	38	216	CT	Chuồng bò
8	Thiều Văn Cùng	325	8	38	217	CT	Chuồng bò
9	Nguyễn Lung	118	9	38	194	CT	Chuồng bò
10	Phạm Hiệu	117	10	38	189	CT	Chuồng bò
11	Nguyễn Thị Léo	200	11	38	191	CT	Chuồng bò
12	Mai Thanh Phụng	200	12	38	212	CT	Chuồng bò
13	Võ Tấn Thoát	200	13	38	197	CT	Chuồng bò
14	Phạm Qượ	300	14a	38	202	CT	Chuồng bò
15	Phạm Qượ	897	14b	38	203	CT	Chuồng bò
16	Mai Văn Luân	200	15	38	192	CT	Chuồng bò
17	Phạm Như Trí	200	16	38	193	CT	Chuồng bò
18	Hồ Văn Năng	297	17	38	221	CT	Chuồng bò
19	Phạm Thị Hương	250	18	38	210	CT	Chuồng bò
20	Nguyễn Tấn Đạt	228	19	38	201	CT	Chuồng bò
21	Bùi Thị Ky	168	20	38	214	CT	Chuồng bò
22	Tăng Văn Bày	167	21	38	208	CT	Chuồng bò
23	Tăng Văn Thảo	286	22	38	226	CT	Chuồng bò
24	Bùi Thị Thủy	220	23	38	207	CT	Chuồng bò
25	Mai Duôi	209	24	38	205	CT	Chuồng bò
26	Võ Văn Thìn	330	25	38	195	CT	Chuồng bò
27	Phạm Văn Long	330	26	38	204	CT	Chuồng bò
28	Nguyễn Văn Trai	330	27	38	200	CT	Chuồng bò
29	Mai Ngọc Lợi	250	28	38	222	CT	Chuồng bò
30	Phạm Đình Thà	363	29	38	219	CT	Chuồng bò
31	Phạm Hữu Đức	462	30	38	227	CT	Chuồng bò
32	Trịnh Ngọc Châu	429	31	38	225	CT	Chuồng bò
33	Trần Ngọc Âu	360	32	38	196	CT	Chuồng bò
34	Trương Thị Tâm	488	33	38	223	CT	Chuồng bò
35	Phạm Đình Hoang	151	34	38	206	CT	Chuồng bò
36	Phạm Đình Tròn	390	35	38	211	CT	Chuồng bò

37	Nguyễn Thái Vương	400	36	38	215	CT	Chuồng bò
38	Dương Công Hóa	552	37	38	224	CT	Chuồng bò
39	Trương Lý Hoàng Doanh	200	38a	38	198	CT	Chuồng bò
40	Trương Lý Hoàng Doanh	285	38b	38	199	CT	Chuồng bò
41	Bùi Nhân Chí Sĩ	100	39	38	231	CT	Chuồng bò
42	Nguyễn Thành	207	40	38	230	CT	Chuồng bò
43	Phạm Văn Thuận	370	41	38	254	CT	Chuồng bò
44	Bùi Văn Hiệp	90	42	38	228	CT	Chuồng bò
45	Phạm Ngọc Thông	38,4	43	b	232	CT	Chuồng bò
CỘNG: 43 hộ		12.557,4	45 lô				

ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO THUÊ THÔNG QUA ĐẤU GIÁ TỪ NĂM 2015-2017

Biểu 4

STT	Họ và tên	Diện tích		Thửa đất	Tờ BD ĐC	Hợp đồng thuê đất	Quy hoạch sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất
		Đất công ích	Đất nông nghiệp do UBND xác lập					
1	Nguyễn Sĩ		1.533	375	10	47	Luc	Luc
2	Phạm Văn Tín	2.339		77	26	63	Luc	Luc
3	Phạm Văn Tín	3.080		483	27	64	Luc	Luc
4	Phạm Văn Ba		400	156,210	11	67	Luc	Luc
5	Võ Văn Liên	1.947		119,206	27	66	Luc	Luc
6	Mai Thanh Phụng	3.032		30,34	37	78	Luc	Luc
7	Trần Văn Tiến		4.848	1	37	82	LMU	LMU
8	Trần Văn Tiến	5.015		390,346	28	77	Luc	Luc
9	Nguyễn Tránh	3.348		1	37	83	NTS	NTS
10	Trần Thị Hồng Mùi	7.987		637,606	28	84	Luc	Luc
11	Võ Tấn Hồng	3.359		552,563	27	72	Luc	Luc
12	Nguyễn Ngọc Thảo	2.388		4	37	73	Luc	Luc
13	Nguyễn Ngọc Thảo		3685	373	27	71	Luc	Luc
14	Nguyễn Huệ	5077		249,250	27	69	Luc	Luc
15	Nguyễn Viết Hải		1.345	58,68,76	10	49	Luc	Luc
16	Đào Diệt		345	247	10	48	Luc	Luc
17	Nguyễn Hải Trịnh	3.086		5,7	26	85	Luc	Luc
18	Dương Công Phước	576		475	27	80	Luc	Luc
19	Lê Văn Đông	1.155		417,450	28	76	Luc	Luc
20	Lê Văn Đông	1.383		344	28	74	Luc	Luc
21	Nguyễn Thành		300	541	18	81	Tr. cỏ	Tr. cỏ
22	Võ Văn Đức	500		360b	27	65	Luc	Luc
23	Phạm Văn Mọi	3.515		50,62	37	79	Luc	Luc
24	Phạm Thị Ba	2.284		72	26	61	Luc	Luc
25	Lê Văn Trung		190	382b	28	59	Tr. cỏ	Tr. cỏ
26	Dương Thị Đông	1.916		61,67	37	68	Luc	Luc
27	Dương Thị Đông	1090		762	28	58	Luc	Luc
28	Trần Văn Chi	2876		347,387	28	57	Luc	Luc
29	Trần Văn Chi	1.430		616	28		Luc	Luc
30	Trần Thị Bợ	1.412		73	26	62	Luc	Luc
31	Trần Thị Bợ		3.402	53,60 64,65	26	56	Luc	Luc

32	Bùi Văn Cảnh	1583		296	27	55	Luc	Luc
33	Dương Thị Hương	2.929		274	27	54	Luc	Luc
34	Trần Thị Tuyết Nhung		3.511	349	17	53	Luc	Luc
35	Nguyễn Bá Trị		2.291	591, 495	7, 28	52	Luc	Luc
36	Nguyễn Bá Trị	1.858		267	27	70	Luc	Luc
37	Võ Duy Thái		1.645	318	17	51	Luc	Luc
38	Trần Ngọc Đức		593	15	17	50	Luc	Luc
39	Nguyễn Ngọc Hùng	3.888		126, 136	17	46	Luc	Luc
40	Nguyễn Thị Hạ	1.450		218, 219	10	45	Luc	Luc
41	Nguyễn Thị Hạ		413	220, 305	10	45		
42	Lâm Văn Thân	2.331		17, 20	6	44	Luc	Luc
43	Lâm Văn Thân	792		40	18	60	Luc	Luc
44	Trần Đoàn		2.507	460, 487	18	111	Luc	Luc
	CỘNG:	73.626	27.008	78 thừa			Luc	Luc

ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO THUÊ KHÔNG ĐÁU GIÁ TỪ NĂM 2015-2017

Khu vực: huyện lỵ 6

Biểu 5

STT	Họ và tên	Diện tích	Thửa đất	Bản đồ	Hợp đồng	Quy hoạch sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất
1	Lê Thị Thấy	350	1	38	190	Chuồng trại	Chuồng bò
2	Phạm Văn Vương	250	2	38	243	CT	Chuồng bò
3	Bùi Trung Dung	250	3	38	220	CT	Chuồng bò
4	Dương Văn Danh	250	4	38	213	CT	Chuồng bò
5	Dương Công Phước	250	5	38	188	CT	Chuồng bò
6	Nguyễn Ngọc Ân	250	6	38	209	CT	Chuồng bò
7	Phạm Văn Lót	250	7	38	216	CT	Chuồng bò
8	Thiều Văn Củng	325	8	38	217	CT	Chuồng bò
9	Nguyễn Lung	118	9	38	194	CT	Chuồng bò
10	Phạm Hiệu	117	10	38	189	CT	Chuồng bò
11	Nguyễn Thị Léo	200	11	38	191	CT	Chuồng bò
12	Mai Thanh Phụng	200	12	38	212	CT	Chuồng bò
13	Võ Tấn Thoát	200	13	38	197	CT	Chuồng bò
14	Phạm Qượ	300	14a	38	202	CT	Chuồng bò
15	Phạm Qượ	897	14b	38	203	CT	Chuồng bò
16	Mai Văn Luân	200	15	38	192	CT	Chuồng bò
17	Phạm Như Trí	200	16	38	193	CT	Chuồng bò
18	Hồ Văn Năng	297	17	38	221	CT	Chuồng bò
19	Phạm Thị Hương	250	18	38	210	CT	Chuồng bò
20	Nguyễn Tấn Đạt	228	19	38	201	CT	Chuồng bò
21	Bùi Thị Ky	168	20	38	214	CT	Chuồng bò
22	Tăng Văn Bảy	167	21	38	208	CT	Chuồng bò
23	Tăng Văn Thảo	286	22	38	226	CT	Chuồng bò
24	Bùi Thị Thùy	220	23	38	207	CT	Chuồng bò
25	Mai Duôi	209	24	38	205	CT	Chuồng bò
26	Võ Văn Thìn	330	25	38	195	CT	Chuồng bò
27	Phạm Văn Long	330	26	38	204	CT	Chuồng bò
28	Nguyễn Văn Trai	330	27	38	200	CT	Chuồng bò
29	Mai Ngọc Lợi	250	28	38	222	CT	Chuồng bò
30	Phạm Đình Thà	363	29	38	219	CT	Chuồng bò
31	Phạm Hữu Đức	462	30	38	227	CT	Chuồng bò
32	Trịnh Ngọc Châu	429	31	38	225	CT	Chuồng bò
33	Trần Ngọc Âu	360	32	38	196	CT	Chuồng bò
34	Trương Thị Tâm	488	33	38	223	CT	Chuồng bò
35	Phạm Đình Hoang	151	34	38	206	CT	Chuồng bò
36	Phạm Đình Tròn	390	35	38	211	CT	Chuồng bò

37	Nguyễn Thái Vương	400	36	38	215	CT	Chuồng bò
38	Dương Công Hóa	552	37	38	224	CT	Chuồng bò
39	Trương Lý Hoàng Doanh	200	38a	38	198	CT	Chuồng bò
40	Trương Lý Hoàng Doanh	285	38b	38	199	CT	Chuồng bò
41	Bùi Nhân Chí Sĩ	100	39	38	231	CT	Chuồng bò
42	Nguyễn Thành	207	40	38	230	CT	Chuồng bò
43	Phạm Văn Thuận	370	41	38	254	CT	Chuồng bò
44	Bùi Văn Hiệp	90	42	38	228	CT	Chuồng bò
45	Phạm Ngọc Thông	38,4	43	b	232	CT	Chuồng bò
CỘNG: 43 hộ		12.557,4	45 lô			CT	Chuồng bò

ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO THUÊ THÔNG QUA ĐẤU GIÁ TỪ NĂM 2017 - 2019

Biểu 7

STT	Họ và tên	Diện tích		Thửa đất	Tờ bản đồ	Hợp đồng thuê đất	Quy hoạch sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất
		Đất công ích	Đất nông nghiệp do UBND xác lập					
1	Nguyễn Ngọc Thảo	4.042		249	27	70	Lúa	Lúa
2	Nguyễn Ngọc Thảo		3.685	373			Lúa	Lúa
3	Nguyễn Ngọc Thảo	1265,6		552			Lúa	Lúa
4	Nguyễn Ngọc Thảo	1.207		563	27	71	Lúa	Lúa
5	Nguyễn Văn Tân		236	517b	11	75	Lúa	Lúa
6	Dương Công Phước	2.536		482,483 457	27	67	Lúa	Lúa
7	Trần Văn Chi	2.876		362,388 347,387	28	85	Lúa	Lúa
8	Mai Chí Trung	3.593		250,267	27	84	Lúa	Lúa
9	Nguyễn Quốc Toàn	2.538		344,417 450	28	83	Lúa	Lúa
10	Tạ Văn Y	3.086		5,7	26	82	Lúa	Lúa
11	Bùi Văn Cảnh	1.583		296	27	81	Lúa	Lúa
12	Trần Thị Hồng Mùi	6.565		607,636 637,606	28	80	Lúa	Lúa
13	Trần Phi Hồ	3.348		34	45	79	Lúa	Lúa
14	Trần Văn Tiến		4.848	1	37	78	Lúa	Lúa
15	Bùi Trung Dung		420	18	38-3	77	Lúa	Lúa
16	Võ Văn Trút		286	19	17	76	Lúa	Lúa
17	Cao Văn Lực	3.515		50,62	37	74	Lúa	Lúa
18	Nguyễn Việt Hải	3.032		30,34	37	73	Lúa	Lúa
19	Phạm Văn Lợi	2.388		4	37	72	Lúa	Lúa
20	Phạm Văn Ba		400	156,200	11	69	Lúa	Lúa
21	Trần Ngọc Đức	1.947		119,206	27	68	Lúa	Lúa
22	Dương Công Phước	4.587		72,77	26	65	Lúa	Lúa
23	Lê Văn Trung		190	382b	28	64	Lúa	Lúa
24	Trần Văn Chi	2.520		616,732	28	63	Lúa	Lúa

25	Trần Thị Bợ		3.402	53, 60 64, 65	26	62	Lúa	Lúa
26	Nguyễn T.Kim Phượng	2.929		274	27	61	Lúa	Lúa
27	Nguyễn Phước Thủy	3.511		349	28	60	Lúa	Lúa
28	Nguyễn Phước Thủy	1.120		279	27		Lúa	Lúa
29	Nguyễn Phước Thủy	1.916		61,67	37		Lúa	Lúa
30	Nguyễn Phước Thủy		1.304	591	28	59	Lúa	Lúa
31	Nguyễn Phước Thủy	2.921		346			Lúa	Lúa
32	Nguyễn Phước Thủy	296		390			Lúa	Lúa
33	Nguyễn Phước Thủy	313		391			Lúa	Lúa
34	Nguyễn Phước Thủy	1.485		921			Lúa	Lúa
35	Trần Văn Quân		987	495	7	58	Lúa	Lúa
36	Nguyễn Sĩ		1533	375	10	57	Lúa	Lúa
37	Phạm Thị Ba	1.412	1.645	142, 164 318, 73	17, 26	56	Lúa	Lúa
38	Trần Văn Âu	792	3.100	15, 460 487, 40	17, 18	55	Lúa	Lúa
39	Phạm Văn Nhứt		1.345	58, 68, 76	10	54	Lúa	Lúa
40	Đào Diệt		345	247	10	53	Lúa	Lúa
41	Phạm Khứa	3.888		126, 136	17	52	Lúa	Lúa
42	Nguyễn Thị Hạ	1.450	413	218, 219 220, 305	10	51	Lúa	Lúa
43	Phạm Hữu Phước	2.331		17, 20	6	50	Lúa	Lúa
44	Võ Văn Đức	500		360	27		Lúa	Lúa
	CỘNG:	75492,6	24.139					

ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO THUÊ KHÔNG ĐÁU GIÁ TỪ NĂM 2017-2019

Khu vực: Huyện lộ 6

Biểu 8

STT	Họ và tên	Diện tích	Thửa đất	Bản đồ	Hợp đồng	Quy hoạch sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất
1	Lê Thị Thủy	350	1	38	217	Chuồng trại	Chuồng bò
2	Phạm Văn Vương	250	2	38	243	CT	Chuồng bò
3	Bùi Trung Dung	250	3	38	245	CT	Chuồng bò
4	Dương Văn Danh	250	4	38	238	CT	Chuồng bò
5	Dương Công Phước	250	5	38	215	CT	Chuồng bò
6	Nguyễn Ngọc Ân	250	6	38	234	CT	Chuồng bò
7	Phạm Văn Lót	250	7	38	241	CT	Chuồng bò
8	Phạm Văn Đông	325	8	38	242	CT	Chuồng bò
9	Nguyễn Lung	118	9	38	221	CT	Chuồng bò
10	Phạm Hiệu	117	10	38	216	CT	Chuồng bò
11	Nguyễn Thị Léo	200	11	38	218	CT	Chuồng bò
12	Mai Thanh Phụng	200	12	38	237	CT	Chuồng bò
13	Võ Tấn Thoát	200	13	38	224	CT	Chuồng bò
14	Phạm Qượ	300	14a	38	228	CT	Chuồng bò
15	Phạm Qượ	897	14b	38	228	CT	Chuồng bò
16	Mai Văn Luân	200	15	38	219	CT	Chuồng bò
17	Phạm Như Trí	200	16	38	220	CT	Chuồng bò
18	Hồ Văn Năng	297	17	38	246	CT	Chuồng bò
19	Trần Thị Ngọc Thủy	250	18	38	235	CT	Chuồng bò
20	Nguyễn Tấn Đạt	228	19	38	227	CT	Chuồng bò
21	Mai Văn Xã	168	20	38	239	CT	Chuồng bò
22	Tăng Văn Bảy	167	21	38	233	CT	Chuồng bò
23	Tăng Văn Thảo	286	22	38	251	CT	Chuồng bò
24	Bùi Thị Thủy	220	23	38	232	CT	Chuồng bò
25	Mai Duôi	209	24	38	230	CT	Chuồng bò
26	Võ Văn Thìn	330	25	38	222	CT	Chuồng bò
27	Phạm Văn Long	330	26	38	229	CT	Chuồng bò
28	Nguyễn Văn Trai	330	27	38	226	CT	Chuồng bò
29	Mai Ngọc Lợi	250	28	38	247	CT	Chuồng bò
30	Phạm Đình Thà	363	29	38	244	CT	Chuồng bò
31	Phạm Hữu Đức	462	30	38	252	CT	Chuồng bò
32	Trịnh Ngọc Châu	429	31	38	250	CT	Chuồng bò
33	Trần Ngọc Âu	360	32	38	223	CT	Chuồng bò
34	Trương Thị Tâm	488	33	38	248	CT	Chuồng bò

35	Phạm Đình Hoang	151	34	38	231	CT	Chuồng bò
36	Phạm Đình Tròn	390	35	38	236	CT	Chuồng bò
37	Nguyễn Thái Vương	400	36	38	240	CT	Chuồng bò
38	Dương Công Hóa	552	37	38	249	CT	Chuồng bò
39	Trương Lý Hoàng Doanh	200	38a	38	225	CT	Chuồng bò
40	Trương Lý Hoàng Doanh	285	38b	38	225	CT	Chuồng bò
41	Võ Quân	100	39	38	256	CT	Chuồng bò
43	Nguyễn long	76	44	38	258	CT	Chuồng bò
44	Võ Văn Mới	41,4	45	38	250	CT	Chuồng bò
45	Nguyễn Xuân Danh	115,5	46	38	249	CT	Chuồng bò
46	Nguyễn Thành	207	40	38	230	CT	Chuồng bò
47	Phạm Văn Thuận	370	41	38	254	CT	Chuồng bò
48	Bùi Văn Hiệp	90	42	38	253	CT	Chuồng bò
49	Phạm Ngọc Thông	38,4	43	38	257	CT	Chuồng bò
	CỘNG:	12.790,3	48 ló				

ĐẤT CÔNG ÍCH KHÔNG CHO THUÊ

Biểu 10

STT	Địa danh	Bản đồ	Số thửa	Diện tích toàn thửa đất	Diện tích thực tế không cho thuê	Nguyên nhân không cho thuê
1	Gò Táo	10	264	1.000	1.000	Diện tích đất thuộc QSD đất của ông Trần Sáng do hoán đổi đất Gò Đại Phòng
2	Gò Ngang	37	61	1.042	826	Nhiễm mặn
3	Bà Thắm	18	40	1.420	616	Đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Lâm Văn Ổn năm 1994
4	Cây Sộp	27	360	1.436	1.436	Đã cấp GCN năm 2002 của Võ Văn Thúc
5	Cây Dừa	27	552	886	886	Giao điện gió
Tổng				5.784	4.764	

**Đất công ích giao UBND xã Phương Hải quản lý nhưng
Thuộc địa giới hành chính xã Bắc Sơn Huyện Thuận Bắc.**

Biểu 11

STT	Tục danh	Tờ BĐ	Số Thửa	D.tích (m ²)
1	Cụm Đá	28	344	1.383
2	Cụm Đá	28	362	1.252
3	Cụm Đá	28	388	551
4	Cụm Đá	28	347	924
5	Cụm Đá	28	387	149
6	Cụm Đá	28	417	905
7	Cụm Đá	28	450	250
8	Cụm Đá	28	346	2.921
9	Cụm Đá	28	390	296
10	Cụm Đá	28	391	313
11	Cụm Đá	28	421	1.485
Tổng cộng: 11 thửa				10.429

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Từ ngày 01/7/2014 - 30/9/2018

Biểu 12

STT	Vi phạm						Hình thức XPVPHC			Chưa khắc phục	Ghi chú	
	Họ và tên	Hộ gia đình	Địa chỉ thửa đất	Thửa đất vi phạm	Tờ BĐ	D.tích vi phạm (m ²)	H.vi vi phạm	Cảnh cáo	Phạt tiền			
									Số tiền phải nộp (1000 đ)			Đã nộp
I	Năm 2014											
1	Võ Lực	x	P.Cụ 3	348	38	85,95	Xây nhà trên đất NN		500	500	x	
2	Nguyễn Khắc Trí	x	P.Cụ 3	165	38	125	Xây nhà trên đất NN		500	500	x	
3	Lê Ngọc Vũ	x	P.Cụ 3	108	11	38,54	Xây nhà trên đất NN		500	500	x	
4	Võ Trường Thành	x	P.Cụ 3	348	38	72	Xây nhà trên đất NN		500	500	x	
5	Ngô Văn Thọ	x	Tri Hải	438	38	51	Xây nhà trên đất NN		500	500	x	
6	Võ Văn Cư	x	P.Cụ 3	348	38	22,11	Xây nhà trên đất NN		500	500	x	
	TỔNG								3000	3000		
II	Năm 2016											
1	Nguyễn Thị Thân	x	P.Cụ 2			50			1.000	1.000	x	
2	Dương Thị Hòa	x	P.Cụ 3			24	Xây nhà trên đất NN		1.000	1.000	x	
3	Nguyễn Sanh	x	P.Cụ 1			60	Xây nhà trên đất NN		1.000	1.000	x	
	TỔNG						Xây nhà trên đất NN		3.000	3.000		
III	Năm 2018											
1	Trần Văn Nương	x	P.Cụ 3			48	Nuôi chim yến	x			x	
2	Phạm Thị Diễm	x	P.Cụ 2			12	Lấn đất công		3.000	/	x	Chưa nộp phạt
	TỔNG								3.000	6.000		

